

QUAN HỆ NGOẠI GIAO GIỮA LIÊN BANG NGA VÀ CỘNG HÒA BOLIVAR VENEZUELA GIAI ĐOẠN 2013 ĐẾN NAY

Nguyễn Doãn Diễm¹

TÓM TẮT

Bài báo phân tích một cách hệ thống và đa tầng động lực, cấu trúc và hàm ý chiến lược của quan hệ ngoại giao giữa Liên bang Nga và Cộng hòa Bolivar Venezuela giai đoạn 2013 đến nay, trong bối cảnh hệ thống quốc tế đang chuyển dịch mạnh theo hướng phân mảnh và cạnh tranh quyền lực gia tăng. Đồng thời làm rõ cách Nga sử dụng chiến lược hỗ trợ chính trị, hợp tác quốc phòng và đầu tư năng lượng nhằm mở rộng không gian ảnh hưởng tại Mỹ Latinh, đồng thời lý giải cách Venezuela tận dụng quan hệ đối tác với Moscow để gia tăng khả năng chống chịu trước sức ép trừng phạt và suy giảm tính kết nối quốc tế. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng quan hệ Nga-Venezuela vừa mang tính chất bổ trợ chiến lược vừa bộc lộ mức độ phụ thuộc bất đối xứng, qua đó đặt ra câu hỏi rộng hơn về tính bền vững của các quan hệ đối tác dựa trên nhu cầu cân bằng quyền lực trong môi trường cạnh tranh toàn cầu. Bài báo đồng thời nhấn mạnh những hàm ý đối với chính sách đối ngoại Việt Nam trong bối cảnh định hình lại cấu trúc an ninh-kinh tế quốc tế, đồng thời gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo về vai trò của các cường quốc ngoài khu vực tại Mỹ Latinh và sự tái thiết trật tự toàn cầu thập niên tới.

Từ khóa: Nga-Venezuela, quan hệ song phương, đối tác chiến lược, ngoại giao Nam-Nam.

1. Giới thiệu

Quan hệ ngoại giao giữa Liên bang Nga và Cộng hòa Bolivar Venezuela từ năm 2013 đến nay diễn ra trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược toàn cầu gia tăng và trật tự quốc tế chuyển dịch theo hướng đa cực. Nga tìm cách mở rộng ảnh hưởng ra ngoài không gian Á-Âu, trong khi Venezuela nỗ lực duy trì ổn định chính trị-kinh tế và giảm phụ thuộc vào các trung tâm quyền lực phương Tây.

Sự giao thoa lợi ích này tạo nên một mô hình hợp tác đặc biệt, thể hiện cách hai quốc gia tận dụng nhau để đạt mục tiêu chiến lược: Nga củng cố vị thế cường quốc và hiện diện ở Tây Bán cầu, còn Venezuela tìm kiếm đối tác giúp chống chịu sức ép trừng phạt. Quan hệ này không chỉ mang ý nghĩa song phương mà còn phản ánh xu thế hình thành các cấu trúc hợp tác phi phương Tây trong bối cảnh toàn cầu biến động.

Nghiên cứu tập trung phân tích động lực, đặc điểm và hàm ý chiến lược của quan hệ Nga-Venezuela giai đoạn 2013 đến nay, qua đó góp phần lý giải cách các cường quốc điều chỉnh chính sách đối ngoại trong môi trường ràng buộc cao, đồng thời rút ra những hàm ý và ý nghĩa cho đường lối ngoại giao của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập và cạnh tranh chiến lược ngày càng phức tạp.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh và cơ sở hình thành quan hệ Nga-Venezuela

Mối quan hệ giữa Liên bang Nga và Cộng hòa Bolivar Venezuela là một minh chứng cho chiến lược toàn cầu của Moscow trong nỗ lực tái định hình trật tự quốc tế theo hướng đa cực. Sau Chiến tranh Lạnh, Nga đối diện với thách thức suy giảm ảnh hưởng toàn cầu, trong khi Mỹ tiếp tục củng cố vị thế bá quyền tại Tây Bán cầu. Trong bối cảnh đó, việc mở rộng hiện diện tại Mỹ Latinh khu vực từng được coi là “sân sau” của Hoa Kỳ mang ý nghĩa chiến lược sâu sắc, vừa nhằm khẳng định vị thế địa-chính trị của Nga, vừa thể hiện tham vọng phục hồi tầm ảnh hưởng quốc tế của Tổng thống Vladimir Putin. Quan hệ đối tác với Venezuela, do đó không chỉ là kết quả của tính toán song phương mà còn là biểu hiện của nỗ lực địa chính trị rộng lớn hơn nhằm thách thức quyền lực đơn cực do Washington dẫn dắt [1].

Trong giai đoạn đầu thế kỷ XXI, sự tái thiết chính sách đối ngoại của Nga dưới thời Putin hướng đến hai mục tiêu cốt lõi. Thứ nhất, Nga tìm cách mở rộng cơ hội kinh tế cho các tập đoàn nhà nước và tư nhân trong các lĩnh vực mà nước này có lợi thế như năng lượng, khai khoáng và công nghiệp quốc phòng. Thứ hai, Moscow chủ trương thiết lập mạng lưới đối tác chiến lược tại các khu vực ngoài truyền thống đặc biệt là Mỹ Latinh nhằm củng cố trật tự quốc tế đa cực và giảm thiểu sự phụ thuộc vào quan hệ với phương Tây [2]. Trong logic đó, Venezuela như một đối tác lý tưởng, hội tụ cả yếu tố chính trị-ý thức hệ tương đồng và tiềm năng năng lượng dồi dào. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa cánh tả trong khu vực càng tạo thuận lợi cho Nga trong việc xây dựng các mối liên kết chiến lược mới.

Lịch sử quan hệ Nga-Venezuela, dù có những giai đoạn giao lưu văn hóa và ngoại giao từ thế kỷ XVIII, song chỉ thực sự được củng cố và mang tính chiến lược kể từ khi Hugo Chávez lên cầm quyền năm 1999. Trong lần gặp gỡ đầu tiên với Tổng thống Vladimir Putin, Chávez nhấn mạnh tới “mối duyên lịch sử” giữa hai dân tộc, khi người anh hùng dân tộc Venezuela Francisco de Miranda từng đến thăm triều đình Nga năm 1786-1787 và được Nữ hoàng Catherine Đại đế tiếp kiến. Sự kiện mang tính biểu tượng này được Caracas khai thác như một minh chứng cho mối liên hệ lịch sử sâu xa, tạo nền tảng tinh thần cho sự hợp tác chính trị và ngoại giao hiện đại [1]. Tuy nhiên, di sản lịch sử này chỉ đóng vai trò biểu tượng; động lực thực sự của việc Nga xích lại gần Venezuela từ đầu thế kỷ XXI bắt nguồn từ chiến lược mở rộng không gian ảnh hưởng của Moscow trong bối cảnh đối đầu ngày càng gay gắt với phương Tây.

Sự hợp tác giữa hai quốc gia từ năm 2000 đến 2013 diễn ra trên nhiều lĩnh vực, trong đó nổi bật là năng lượng và quốc phòng. Các tập đoàn lớn của Nga như Gazprom, Rosneft, Lukoil, Surgutneftegaz và TNK-BP đã nhanh chóng thâm nhập thị trường Venezuela thông qua hàng loạt dự án thăm dò và khai thác dầu khí. Đáng chú ý, năm 2006, Gazprom giành quyền thăm dò tại vùng biển đặc quyền kinh tế của Venezuela, mở đầu cho giai đoạn hợp tác sâu rộng trong lĩnh vực năng lượng. Bên cạnh đó, nhiều thỏa

thuận thương mại khác cũng được ký kết, bao gồm việc lắp ráp ô tô Lada, sản xuất xe tải Kamaz và các dự án trong nông nghiệp, đánh bắt cá và chế tạo máy. Về quốc phòng, Caracas trở thành khách hàng mua vũ khí Nga lớn nhất ở Tây Bán cầu, với các hợp đồng trị giá khoảng 4 tỷ USD bao gồm 100.000 súng trường Kalashnikov, 24 máy bay Su-30MK2 và gần 50 máy bay trực thăng [2]. Những hoạt động này vừa củng cố năng lực quân sự của Venezuela, vừa giúp Nga mở rộng thị trường quốc phòng ngoài phạm vi truyền thống, góp phần định hình lại bản đồ ảnh hưởng chiến lược của mình ở Nam Mỹ.

Tuy nhiên, giai đoạn “hoàng kim” của quan hệ kinh tế song phương không kéo dài. Sự suy thoái kinh tế nghiêm trọng, tình trạng tham nhũng tràn lan và lệnh trừng phạt quốc tế khiến phần lớn các doanh nghiệp Nga thu hẹp hoặc rút khỏi Venezuela. Trong số ít tập đoàn duy trì hiện diện lâu dài, Rosneft như một trụ cột chiến lược. Với vai trò là công ty sản xuất dầu mỏ lớn nhất của Nga (đóng góp 41% sản lượng quốc gia và 6% sản lượng toàn cầu), Rosneft đảm nhiệm trọng trách then chốt trong việc duy trì ảnh hưởng kinh tế-chính trị của Moscow tại Caracas. Rosneft đã cung cấp các khoản thanh toán trước đáng kể cho tập đoàn dầu khí quốc gia Venezuela (PDVSA) nhằm hỗ trợ thanh khoản cho chính phủ Maduro, đồng thời khẳng định cam kết lâu dài của Nga đối với đồng minh Nam Mỹ này [3]. Động thái đó phản ánh sự pha trộn giữa lợi ích kinh tế và tính toán chính trị-địa chiến lược, cho thấy Nga sẵn sàng chấp nhận rủi ro tài chính để duy trì “chỗ đứng chiến lược” trong khu vực.

Cách tiếp cận của Moscow đối với Caracas thể hiện rõ sự kết hợp giữa lý tưởng chính trị, tính toán quyền lực và nhu cầu củng cố vị thế toàn cầu. Từ góc nhìn của giới tinh hoa chính trị Nga, cuộc khủng hoảng hiện nay ở Venezuela không đơn thuần là hệ quả của sai lầm trong điều hành kinh tế, mà còn là kết quả của “âm mưu phá hoại” do Hoa Kỳ hậu thuẫn [1]. Ngoài ra, Rouvinski cũng nhận định rằng giới tinh hoa chính trị và an ninh Nga nhìn nhận Venezuela qua lăng kính của một “tiến trình toàn cầu, trong đó Nga đang đấu tranh để đảm bảo vị thế xứng đáng của mình trên trường quốc tế”, ngăn chặn các nỗ lực của các cường quốc phương Tây nhằm làm suy yếu quyền tự chủ về chính trị và kinh tế của nước này. Rosneft và Venezuela cũng đóng vai trò then chốt trong nỗ lực của Vladimir Putin nhằm “duy trì và mở rộng” vai trò của Nga như một nhà cung cấp năng lượng toàn cầu [4]. Các quan điểm trên càng củng cố niềm tin rằng việc hỗ trợ chính quyền Bolivar không chỉ mang ý nghĩa chiến lược mà còn mang tính biểu tượng, minh chứng cho khả năng của Nga trong việc bảo vệ đồng minh và thách thức sức ép của phương Tây. Tuy nhiên, theo thời gian Venezuela dần trở thành một “vali không có tay cầm” đối với Nga một gánh nặng địa chính trị khó từ bỏ nhưng cũng không thể buông bỏ dễ dàng. Dù tương lai của Venezuela vẫn bất định, Moscow vẫn tiếp tục nỗ lực duy trì sự hiện diện tại đây, phần vì động cơ chiến lược, phần vì áp lực chính trị nội bộ khi những thành tựu đối ngoại thường được sử dụng để củng cố hình ảnh lãnh đạo của Putin trong nước.

Như vậy, bối cảnh hình thành và củng cố quan hệ Nga-Venezuela từ đầu thế kỷ XXI cho thấy đây là một mối quan hệ được thúc đẩy không chỉ bởi lợi ích kinh tế hay an

ninh thuận túy, mà còn bởi các yếu tố biểu tượng, ý thức hệ và chiến lược toàn cầu. Sự đan xen giữa lợi ích chính trị, năng lượng và địa chính trị đã biến Venezuela thành “một điểm tựa Nam Mỹ” trong chiến lược tái khẳng định vị thế cường quốc của Nga trên trường quốc tế. Tuy nhiên, chính cấu trúc quan hệ mang tính phụ thuộc không cân xứng này cũng là nguồn gốc của những thách thức nội tại trong quan hệ song phương, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế Venezuela và biến động địa chính trị toàn cầu ngày càng phức tạp.

2.2. Hợp tác chính trị-ngoại giao

Từ năm 2013 đến nay, quan hệ chính trị-ngoại giao giữa Liên bang Nga và Cộng hòa Bolivar Venezuela đã phát triển theo hướng củng cố và mở rộng, phản ánh sự hội tụ lợi ích chiến lược trong bối cảnh trật tự quốc tế chuyển dịch mạnh mẽ. Hai quốc gia, vốn chia sẻ lập trường phản đối chủ nghĩa bá quyền và các biện pháp cưỡng chế đơn phương, đã sử dụng đối thoại song phương như một công cụ duy trì ổn định chính trị nội bộ và khẳng định vị thế trong không gian quốc tế. Theo dữ liệu chính thức từ Bộ Ngoại giao Nga, chỉ riêng giai đoạn 2021-2023, hai nước đã ký kết hơn 70 văn kiện hợp tác song phương, thể hiện mức độ thể chế hóa ngày càng cao của mối quan hệ.

Giai đoạn khởi đầu dưới thời Tổng thống Nicolás Maduro chứng kiến sự tiếp nối chính sách đối ngoại độc lập mà cố Tổng thống Hugo Chávez đã khởi xướng. Chuyến thăm chính thức của Tổng thống Maduro đến Moscow vào tháng 7/2013, nhân dịp tham dự Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn các nước xuất khẩu khí đốt (GECF), đã đánh dấu nỗ lực khẳng định Venezuela như một đối tác chiến lược đáng tin cậy của Nga tại Tây Bán cầu. Trong cuộc hội đàm với Tổng thống Vladimir Putin, hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh tầm quan trọng của việc duy trì sự “liên tục mang tính xây dựng” trong quan hệ song phương và thúc đẩy hợp tác chính trị ở cấp cao nhất [5].

Sau sự kiện Crimea năm 2014, Venezuela là một trong số ít quốc gia bỏ phiếu chống nghị quyết của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc về việc không công nhận trung cầu dân ý ở Crimea, qua đó ngầm công nhận chủ quyền của Nga đối với bán đảo này [6]. Hành động này được đánh giá là minh chứng cho mức độ gắn kết chính trị sâu sắc giữa hai bên. Năm 2015, Tổng thống Maduro tham dự lễ kỷ niệm 70 năm Chiến thắng trong Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại tại Moscow, đồng thời có nhiều cuộc gặp song phương với ông Putin tại Bắc Kinh và Tehran trong khuôn khổ các hội nghị quốc tế, thể hiện sự duy trì liên lạc chính trị thường xuyên ở cấp nguyên thủ.

Từ năm 2016 đến 2019, hợp tác ngoại giao Nga-Venezuela chuyển sang giai đoạn phối hợp chiến lược cao độ. Các cuộc gặp cấp cao tại Istanbul (2016), Moscow (2017), Ankara (2018) và các diễn đàn quốc tế khác cho thấy hai nước đã thiết lập một cơ chế tham vấn thường trực về các vấn đề khu vực và toàn cầu. Đặc biệt, chuyến thăm làm việc của Tổng thống Maduro tới Nga vào tháng 12/2018 và tháng 9/2019 đã tập trung vào việc tăng cường hợp tác thương mại-tài chính, song song với các cam kết chính trị về bảo vệ chủ quyền và chống can thiệp từ bên ngoài [5].

Sau năm 2020, khi thế giới bước vào giai đoạn địa chính trị phân cực mạnh mẽ bởi xung đột Nga-Ukraine, mối quan hệ Nga-Venezuela càng trở nên mang tính “đối kháng cấu trúc” với phương Tây. Ngay sau khi chiến sự bùng nổ, Caracas công khai bày tỏ “sự ủng hộ đối với các hành động quyết đoán của Nga” và lên án “các hoạt động gây bất ổn của Hoa Kỳ và NATO”, coi đó là mối đe dọa đối với hòa bình toàn cầu [7]. Sự tương đồng trong quan điểm chính trị này phản ánh logic của “phụ thuộc chiến lược tương hỗ”, trong đó cả Moscow và Caracas đều tìm thấy ở nhau một điểm tựa đối trọng trước sức ép trừng phạt và cô lập quốc tế.

Trong bối cảnh này, các chuyến thăm cấp cao được triển khai với tần suất dày đặc hơn. Năm 2022 và 2023, Bộ trưởng Ngoại giao Nga Sergey Lavrov hai lần thăm Caracas, hội đàm với Tổng thống Maduro và Phó Tổng thống Delcy Rodríguez, đồng thời khẳng định cam kết duy trì hợp tác toàn diện trong khuôn khổ các cơ chế song phương và đa phương như BRICS, OPEC+ và Liên Hợp Quốc [5]. Tháng 02/2024, ông Lavrov tiếp tục thăm Venezuela trong chuyến công du Mỹ Latinh, trong khi cùng năm đó, Phó Thủ tướng Nga Dmitry Chernyshenko và Phó Tổng thống Delcy Rodríguez ký kết hàng loạt thỏa thuận hợp tác trong khuôn khổ Ủy ban Liên chính phủ cấp cao Nga-Venezuela (HLIC). Các văn kiện ký kết tại kỳ họp thứ 17 (2023) và thứ 18 (2024) bao trùm các lĩnh vực chính trị, quân sự, công nghệ, giáo dục và năng lượng, hướng tới mục tiêu xây dựng “kế hoạch phát triển cho các lĩnh vực trọng điểm” đến năm 2030 [8].

Tính đến tháng 11/2024, hai nước đã ký kết 17 thỏa thuận hợp tác mới, bao gồm bản Thỏa thuận “Đối tác và Hợp tác Chiến lược” kéo dài mười năm, được coi là khuôn khổ pháp lý trung tâm cho giai đoạn hợp tác toàn diện tiếp theo [7]. Tổng thống Nicolás Maduro khẳng định mối quan hệ này “không dựa trên áp lực hay sự tống tiền”, mà dựa trên “nguyên tắc tôn trọng, chủ quyền và bình đẳng giữa các quốc gia” [8].

Đặc biệt, bước ngoặt trong quan hệ chính trị song phương được đánh dấu bằng chuyến thăm chính thức của Tổng thống Nicolás Maduro tới Moscow ngày 07/5/2025, trong đó hai bên đã ký kết Thỏa thuận Đối tác Chiến lược Nga-Venezuela. Văn kiện này được coi là kết quả của tiến trình đàm phán nhiều năm, phản ánh cam kết chính trị cao nhất của cả hai chính phủ trong việc xây dựng “trục hợp tác chiến lược toàn diện” bao trùm các lĩnh vực chính trị, an ninh, năng lượng, khoa học-công nghệ và nhân văn.

Tiếp đó, ngày 21/10/2025, Duma Quốc gia Nga (Hạ viện) đã chính thức phê chuẩn thỏa thuận này, và ngày 22 tháng 10, Hội đồng Liên bang (Thượng viện) cũng thông qua văn kiện với tỷ lệ đồng thuận tuyệt đối. Trong bài phát biểu tại phiên họp toàn thể, Chủ tịch Hạ viện Vyacheslav Volodin nhấn mạnh rằng việc phê chuẩn “không chỉ là bước đi cụ thể hướng tới hòa bình, phát triển và ổn định ở Venezuela, mà còn đóng góp cho sự cân bằng quyền lực tại Mỹ Latinh” [9].

Theo tuyên bố của Thứ trưởng Ngoại giao Nga Sergei Ryabkov, Thỏa thuận Đối tác Chiến lược Nga-Venezuela gồm 25 điều khoản, bao quát các lĩnh vực hợp tác ưu tiên trong bối cảnh trật tự thế giới đang tái định hình. Ông nhấn mạnh rằng văn kiện này

“phản ánh đầy đủ các phương pháp tiếp cận chung của hai nước trước những thay đổi về chất trong quan hệ song phương, đồng thời thể hiện mong muốn không chỉ thiết lập một hệ thống quốc tế đa cực, mà còn là cơ chế phối hợp bền chặt trong quan hệ giữa hai quốc gia” [9].

Ở cấp độ liên nghị viện, hợp tác giữa Duma Quốc gia Nga và Quốc hội Venezuela được tăng cường đáng kể. Tháng 10/2023, Chủ tịch Quốc hội Venezuela Jorge Rodríguez Gómez dẫn đầu đoàn đại biểu tham dự Hội nghị Nghị viện Quốc tế Nga-Mỹ Latinh và ký kết thỏa thuận hợp tác liên nghị viện với Chủ tịch Duma Vyacheslav Volodin. Hai bên cam kết duy trì cơ chế đối thoại định kỳ và trao đổi kinh nghiệm lập pháp, qua đó củng cố nền tảng thể chế của quan hệ chính trị song phương [10]. Ngày 10/01/2025, ông Volodin đại diện phía Nga tham dự lễ nhậm chức của Tổng thống Maduro và có cuộc gặp trực tiếp với lãnh đạo Quốc hội Venezuela, thể hiện biểu tượng ngoại giao về sự tin cậy chiến lược bền vững giữa hai nhà nước.

Như vậy, hợp tác chính trị-ngoại giao Nga-Venezuela trong giai đoạn 2013 đến nay, thể hiện một quỹ đạo phát triển ổn định, mang tính hệ thống và có chiều sâu chiến lược. Mỗi quan hệ này đã chuyển từ mô hình “đối tác ý thức hệ” sang “đối tác chức năng” dựa trên lợi ích chính trị, an ninh và phát triển. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, khi trật tự đơn cực đang suy yếu, liên kết Nga-Venezuela không chỉ mang ý nghĩa song phương mà còn phản ánh một xu hướng rộng lớn hơn sự trỗi dậy của các cấu trúc đối ngoại phi phương Tây, nơi hợp tác chính trị được sử dụng như công cụ bảo vệ chủ quyền và tái định hình trật tự toàn cầu theo hướng đa cực, bình đẳng và bao trùm.

2.3. Hợp tác kinh tế-năng lượng

Quan hệ kinh tế-năng lượng giữa Liên bang Nga và Cộng hòa Bolivar Venezuela từ năm 2013 đến nay thể hiện xu hướng tăng cường đáng kể cả về chiều sâu lẫn phạm vi, phản ánh nỗ lực của hai quốc gia trong việc xây dựng một cấu trúc hợp tác mang tính tự chủ cao trước bối cảnh tái định hình trật tự kinh tế quốc tế. Sau khi đồng thời chịu tác động từ các biện pháp trừng phạt tài chính-thương mại của phương Tây, Moscow và Caracas từng bước kiến tạo một mô hình hợp tác dựa trên tách biệt tương đối khỏi các hệ thống thanh toán và thương mại quốc tế truyền thống, đồng thời đề cao nguyên tắc cân bằng lợi ích và định hướng phát triển bền vững. Khung hợp tác này được củng cố thông qua việc thúc đẩy các cơ chế thể chế hóa, đặc biệt thông qua Ủy ban Liên chính phủ cấp cao Nga-Venezuela (CIA), vốn đóng vai trò là nền tảng điều phối chủ đạo cho các chương trình hợp tác chiến lược trong giai đoạn nghiên cứu [11].

Trong giai đoạn 2014-2018, CIA trở thành đầu mối thúc đẩy một loạt các cuộc họp chính thức tại Moscow, Sochi và Caracas, qua đó hình thành các thỏa thuận cụ thể nhằm nâng cao tính hỗ trợ giữa hai nền kinh tế. Một minh chứng điển hình là việc ký kết thỏa thuận xuất khẩu lúa mì Nga sang Venezuela, với lô hàng đầu tiên 30.525 tấn cập cảng Puerto Cabello vào ngày 01/9/2017, đánh dấu bước khởi đầu cho một chu trình hợp tác nông nghiệp có tính quy chuẩn [11]. Cấu trúc thương mại song phương trong những năm

tiếp theo cho thấy sự phân bổ tương đối ổn định: Nga xuất khẩu máy móc, thiết bị công nghiệp, phân bón, hóa chất, dược phẩm và lúa mì; trong khi Venezuela xuất khẩu nông sản, rượu rum, cacao và đá tự nhiên. Cấu trúc thương mại này phản ánh đặc trưng của hai nền kinh tế-một bên có thể mạnh về công nghiệp nặng và công nghệ chế tạo, bên còn lại sở hữu lợi thế về tài nguyên nông nghiệp và sản phẩm bản địa.

Năng lượng tiếp tục giữ vai trò trụ cột trong hợp tác kinh tế song phương, với sự tham gia nổi bật của các tập đoàn chiến lược Nga như Rosneft, Gazprombank và Inter RAO. Rosneft và PDVSA đã thiết lập năm liên doanh lớn gồm Carabobo-2.4, Junin-6, PetroMonagas, Boquerón và Petroperijá, đạt tổng sản lượng thường niên hơn 3,4 triệu tấn, tương đương khoảng 7% sản lượng dầu của Venezuela. Song song với đó, Nga mở rộng sang lĩnh vực khí đốt thông qua các dự án tại Patao, Mejillones và Rio Caribe, nơi trữ lượng được ước tính vào khoảng 180 tỉ m³, cho thấy mức độ gia tăng hiện diện của Nga trong cấu trúc năng lượng Venezuela. Các thỏa thuận giữa Bộ trưởng Dầu mỏ Venezuela Eulogio Del Pino và Bộ trưởng Năng lượng Nga Alexander Novak năm 2018 tiếp tục củng cố cam kết phối hợp chính sách với các nước OPEC và ngoài OPEC nhằm góp phần ổn định thị trường năng lượng toàn cầu [6].

Trên phương diện tài chính, hai nước đẩy mạnh hình thành các cơ chế thanh toán thay thế nhằm giảm thiểu rủi ro từ hệ thống trừng phạt quốc tế. Ngân hàng Eurofinance Mosnarbank, thành lập năm 2011 như một liên doanh song phương, trở thành công cụ tài chính thiết yếu mặc dù chịu trừng phạt của Hoa Kỳ từ năm 2019 do liên hệ với PDVSA. Từ năm 2022, việc chuyển phần lớn cổ phần ngân hàng này sang Tập đoàn Rostec giúp đặt nền móng cho việc xây dựng nền tảng giao dịch số và hệ thống thanh toán độc lập. Đặc biệt, từ năm 2024, hệ thống thẻ Mir của Nga bắt đầu được chấp nhận tại các thiết bị đầu cuối của ngân hàng đối tác Venezuela, đánh dấu một bước tiến mới trong tiến trình giảm phụ thuộc USD trong giao dịch song phương [12].

Hợp tác đầu tư song phương trong giai đoạn này đạt nhiều kết quả thực chất. Tính đến cuối năm 2018, tổng vốn đầu tư của Nga tại Venezuela vượt 4,1 tỉ USD, chủ yếu tập trung vào dầu khí và công nghiệp nặng. Riêng Rosneft đã rót hơn 3,5 tỉ USD vào các dự án Junin-6 và Carabobo, trong khi KAMAZ xây dựng nhà máy lắp ráp xe buýt, còn Uralcaliy trở thành nhà cung cấp phân bón kali quan trọng với sản lượng 29.000 tấn/năm [11]. Các dự án này đồng thời tạo điều kiện cho việc chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực kỹ thuật của nguồn nhân lực Venezuela.

Giai đoạn 2022-2024 chứng kiến sự phục hồi rõ rệt của thương mại hai chiều, Nga gia tăng xuất khẩu hóa chất, dược phẩm, máy công cụ và nông sản, trong khi Venezuela mở rộng xuất khẩu phi dầu mỏ với tốc độ tăng trưởng 453%. Đáng chú ý, Venezuela trở thành khách hàng nhập khẩu lúa mì Nga lớn thứ ba tại Mỹ Latinh vào cuối quý III năm 2024. Hai bên cũng ký Nghị định thư hợp tác trong khuôn khổ ưu đãi thuế quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU), cho phép hàng hóa Venezuela được hưởng mức thuế suất giảm 25%, tạo điều kiện mở rộng dòng chảy thương mại song phương [12].

Tuy nhiên, quan hệ kinh tế-năng lượng cũng đối mặt với nhiều thách thức có tính cấu trúc, đặc biệt liên quan đến vấn đề nợ và hoạt động của các liên doanh dầu khí. Tính đến tháng 12/2023, Venezuela còn nắm giữ khoản nợ 1,5 tỉ USD đối với Nga do PDVSA không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong liên doanh với Roszarubezhneft, mặc dù các khoản nợ song phương khác đã được tất toán [13]. Tình trạng này phức tạp hơn khi liên quan đến tài sản thế chấp 49,9% cổ phần Citgo, vốn từng được Rosneft nắm giữ nhưng đã bị thu hồi vào tháng 6/2023 bởi PDV Holding Inc, dưới sự can thiệp của các nhóm chính trị đối lập được Hoa Kỳ hậu thuẫn [13]. Song song đó, nhiều bằng chứng cho thấy các nhà đầu tư Nga có thể đã tham gia vào hoạt động mua trái phiếu nợ công Venezuela thông qua các trung gian tài chính ở Qatar, UAE và Síp nhằm né tránh trừng phạt của Hoa Kỳ [7].

Từ năm 2019 trở đi, thương mại song phương ghi nhận xu hướng phục hồi, nhưng vẫn nhỏ hơn đáng kể so với giai đoạn Venezuela mua sắm vũ khí quy mô lớn (2007-2014) hoặc so với kim ngạch thương mại Nga-Brazil, Nga-Mexico và Nga-Chile [14]. Kim ngạch xuất khẩu của Venezuela sang Nga tuy thấp nhưng tăng gấp đôi năm 2023 và tiếp tục tăng trong năm 2024, đạt 8,5 tỉ USD; trong khi nhập khẩu từ Nga tăng gấp năm lần vào năm 2022 và tiếp tục tăng 59% đến năm 2024 [14].

Bên cạnh đó, các diễn biến liên quan đến Rosneft và các công ty con phản ánh mức độ dễ tổn thương của hợp tác năng lượng trước tác động của trừng phạt và tham nhũng nội bộ Venezuela. Các biện pháp trừng phạt năm 2020 đối với Rosneft Trading và TNK Trading International khiến Nga phải tái cấu trúc hiện diện thương mại tại Venezuela, dẫn tới việc chuyển giao tài sản của Roszarubezhneft trong một số liên doanh và hạn chế hoạt động môi giới dầu mỏ sau năm 2022 [7, 15]. Sự kiện tham nhũng lớn bị phanh phui tại PDVSA năm 2023 làm gia tăng căng thẳng trong hợp tác song phương, đặc biệt khi liên quan đến các khoản tiền thất thoát mà phía Nga yêu cầu giải trình [7]. Dù vậy, đến năm 2024, Nga và Venezuela tiếp tục duy trì năm liên doanh dầu khí và mở rộng đàm phán hợp tác khí đốt, trong đó có các thỏa thuận với Gazprom và ODK Engineering, cùng các biên bản ghi nhớ được ký tại CIAN lần thứ 18 năm 2024 [16, 17].

Một số đánh giá chuyên gia, trong đó có nhận định của Francisco Monaldi, chỉ ra rằng sản lượng khai thác chung Nga-Venezuela có xu hướng suy giảm từ sau tháng 3/2022, khi tỷ trọng sản lượng Nga trong các liên doanh giảm từ 25% xuống 12% vào cuối năm 2024, thấp hơn đáng kể so với sản lượng từ các liên doanh PDVSA với Chevron, Repsol, Eni và các công ty châu Âu khác [18-20]. Sự dịch chuyển này phần nào phản ánh tác động đồng thời của trừng phạt quốc tế, biến động trong quản trị ngành dầu mỏ Venezuela và xu hướng xuất khẩu dầu theo cơ chế chiết khấu thông qua bên thứ ba.

Trên phương diện tài chính, các chiến lược lách trừng phạt được củng cố bằng biên bản ghi nhớ giữa Ngoại trưởng Sergey Lavrov và Ngoại trưởng Yván Gil tháng 6/2024 nhằm phát triển các cơ chế hậu cần-tài chính không bị can thiệp bên ngoài và tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế và công nghệ tiên tiến [21]. Hội đồng Doanh nghiệp Nga-Venezuela được tái kích hoạt với mục tiêu thúc đẩy liên kết doanh nghiệp,

trong đó Evrofinance Mosnarbank tiếp tục là một trụ cột quan trọng bất chấp trừng phạt từ OFAC năm 2019. Một số báo cáo truyền thông quốc tế, bao gồm Associated Press và Wall Street Journal, ghi nhận việc sử dụng các cơ chế thanh toán bằng tài sản mã hóa và stablecoin như Tether (USDT) để né tránh trừng phạt trong giao dịch dầu mỏ và tài chính [22, 23].

Dù có những giai đoạn gián đoạn, hợp tác kinh tế-năng lượng giữa Nga và Venezuela trong hơn một thập niên qua thể hiện động thái thích ứng trước áp lực địa chính trị và tìm kiếm các phương thức giảm thiểu phụ thuộc vào hệ thống tài chính phương Tây. Tính chất “đối tác chiến lược thích ứng” này vừa phản ánh lợi ích bổ trợ giữa hai nền kinh tế, vừa thể hiện ý đồ định vị lại vai trò của cả hai trong cấu trúc kinh tế quốc tế theo hướng đa cực và cân bằng hơn.

2.4. Hợp tác an ninh-quốc phòng

Ngay từ đầu thập niên 2010, hai Bộ Quốc phòng Nga và Venezuela duy trì tiếp xúc cấp cao với tần suất đều đặn, đặt nền tảng thể chế cho hợp tác kỹ thuật-quân sự song phương. Một trong những sự kiện đánh dấu giai đoạn đầu của quá trình mở rộng hợp tác là chuyến thăm cảng La Guaira của nhóm tàu hải quân Nga, do tuần dương hạm tên lửa Moskva dẫn đầu vào năm 2013. Sự hiện diện này, mang hàm ý khẳng định năng lực triển khai hiện diện ngoài khu vực của Moscow, đồng thời tạo tiền đề cho các cơ chế hợp tác hải quân sâu hơn. Đến năm 2015, chuyến thăm chính thức Caracas của Bộ trưởng Quốc phòng Nga Sergey Shoigu đã đưa quan hệ quốc phòng song phương lên một nấc thang mới thông qua việc ký kết các thỏa thuận mở rộng đào tạo sĩ quan, huấn luyện kỹ thuật và cung ứng khí tài quân sự [11]. Những tiếp xúc này không chỉ là biểu hiện ngoại giao quân sự đơn thuần, mà còn là công cụ xây dựng lòng tin, chuẩn hóa hợp tác và tạo khung pháp lý nhằm thúc đẩy các chương trình hỗ trợ kỹ thuật-tác chiến có tính dài hạn.

Từ năm 2016, các phái đoàn quân sự Venezuela liên tục tham gia Hội thao Quân sự Quốc tế (Army Games) do Nga tổ chức. Việc tham dự này cho thấy một chiến lược nhằm chuẩn hóa năng lực tác chiến của Lực lượng Vũ trang Quốc gia Bolivar (FANB) theo mô hình huấn luyện của Nga, qua đó tạo ra sự tương thích chiến thuật và kỹ thuật giữa hai quân đội. Đây là bước đi có tính toán của Moscow trong việc mở rộng ảnh hưởng thông qua các chuẩn huấn luyện mềm, đồng thời cho phép Caracas tiếp cận phương pháp tác chiến hiện đại trong bối cảnh thiếu hụt nguồn lực huấn luyện từ các đối tác phương Tây.

Trên nền tảng hợp tác được hình thành từ đầu thế kỷ XXI đặc biệt là Thỏa thuận hợp tác kỹ thuật-quân sự ký từ năm 2001 hai nước tiếp tục mở rộng hợp tác trong sản xuất và bảo dưỡng trang bị quân sự. Theo phát ngôn của đại diện Cục Hợp tác Kỹ thuật và Quân sự Liên bang Nga (FSMTC), Valeria Reshétnikova, dự án xây dựng nhà máy sản xuất súng trường tấn công Kalashnikov dòng AK-103 tại Venezuela, từng bị đình trệ do các yếu tố tài chính và quản trị, đã được tái khởi động [24]. Dự án này có ý nghĩa chiến lược đối với Caracas, bởi nó nâng cao đáng kể năng lực tự chủ quốc phòng, giảm mức độ phụ thuộc vào nhập khẩu và tạo ra năng lực công nghiệp quân sự nội địa.

Giai đoạn 2005-2017 chứng kiến sự bùng nổ trong hợp tác mua sắm vũ khí giữa hai nước, với tổng giá trị hợp đồng vượt hơn 11 tỷ USD, đưa Venezuela trở thành khách hàng lớn nhất của Nga tại Mỹ Latinh trong giai đoạn này [25]. Các thương vụ bao gồm những hệ thống có giá trị chiến thuật then chốt như 36 tiêm kích Su-30MKV, hơn 50 trực thăng Mi-17, Mi-35M và Mi-26, hơn 120 xe tăng T-72B1, 240 xe chiến đấu BMP-3 và BTR-80A, cùng nhiều hệ thống pháo phản lực và tên lửa chiến dịch-chiến thuật như BM-21 Grad, Smerch, S-300VMK/Antey-2500, Buk-M2 và Pechora-2M [25]. Việc chuyển giao các chủng loại vũ khí này thể hiện mức độ tin cậy cao trong quan hệ song phương và tạo ra sự gắn kết kỹ thuật-chiến thuật mang tính cấu trúc giữa hai quân đội. Bên cạnh cung cấp trang bị, Nga đã dành cho Venezuela nhiều gói tín dụng lớn (2009, 2012, 2014) với tổng trị giá hơn 6 tỷ USD nhằm hỗ trợ thanh toán hợp đồng và giảm áp lực tài chính đối với Caracas; cùng với đó là thỏa thuận tái cơ cấu nợ vào năm 2017 với thời hạn thanh toán được kéo dài thêm 10 năm [6]. Cơ chế tín dụng này cho thấy Nga coi hợp tác quốc phòng với Venezuela như một khoản đầu tư chiến lược dài hạn, gắn liền với lợi ích địa-chính trị chứ không đơn thuần là hoạt động thương mại quốc phòng.

Một dấu mốc quan trọng khác là cuộc tập trận chung vào tháng 12 năm 2018, khi hai máy bay ném bom chiến lược Tu-160 cùng máy bay vận tải hạng nặng An-124 và Il-62 của Không quân Vũ trụ Nga hạ cánh xuống sân bay quốc tế Maiquetía. Sự kiện này, dù gây phản ứng mạnh từ Washington, đã gửi đi tín hiệu rõ ràng về năng lực và quyết tâm của Moscow trong việc duy trì sự hiện diện ở Tây Bán cầu. Tháng 8 năm 2019, hai Bộ trưởng Quốc phòng ký thỏa thuận cho phép tàu chiến hai nước thăm cảng lẫn nhau, chính thức thiết lập cơ chế hợp tác hải quân thường trực [6]. Cùng năm, Trung tâm đào tạo trực thăng Nga-Venezuela được khánh thành tại Caracas, dựa trên mô phỏng chuẩn Nga nhằm đào tạo phi công vận hành Mi-17V-5, Mi-35M và Mi-26T [5]. Sự kiện này đóng vai trò trọng yếu trong việc duy trì khả năng vận hành kỹ thuật cao đối với các khí tài do Nga cung cấp.

Bước sang giai đoạn 2021-2024, hợp tác an ninh song phương chuyển dịch từ mô hình truyền thống dựa trên cung ứng khí tài và đào tạo quân sự sang mô hình đa tầng, tích hợp cả các lĩnh vực an ninh phi truyền thống. Trong lễ ký kết lộ trình hợp tác quốc phòng mới, Tổng thống Maduro khẳng định rằng Venezuela đã phê chuẩn một “lộ trình hợp tác quân sự mạnh mẽ với Nga nhằm bảo vệ hòa bình, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ”, lập trường được Phó Thủ tướng Nga Yuri Borisov nhấn mạnh và xem Venezuela như một “đối tác chiến lược then chốt tại Mỹ Latinh” [26]. Bối cảnh cạnh tranh chiến lược gia tăng sau năm 2022 cùng với xung đột Ukraine càng khiến hợp tác Nga-Venezuela mang tính biểu tượng và thực chất cao hơn, khi Caracas tích cực ủng hộ các lập trường của Moscow tại các diễn đàn đa phương như Liên Hợp Quốc, Hội đồng Nhân quyền và Hội nghị Giải trừ quân bị [5].

Ngoài ra, hai bên còn mở rộng hợp tác sang lĩnh vực an ninh mạng, chống khủng bố, phòng vệ thông tin và đặc biệt là hợp tác tình báo-phản gián. Các chuyến thăm của Thứ ký Hội đồng An ninh Nga Nikolai Patrushev đến Caracas năm 2023 và tới Managua

năm 2024 phản ánh nỗ lực của Moscow trong việc xây dựng một mạng lưới an ninh khu vực đối trọng với các thiết chế an ninh do Hoa Kỳ hậu thuẫn. Theo báo cáo của Control Ciudadano, các cuộc gặp của Patrushev với các quan chức cấp cao Venezuela, bao gồm Bộ trưởng Quốc phòng Vladimir Padrino López và lãnh đạo Hội đồng Quốc phòng, tập trung vào hợp tác trong lĩnh vực tình báo và phản gián, nhằm củng cố an ninh quốc gia và an ninh nội bộ của Venezuela [27]. Các hỗ trợ này, theo một số phân tích, có thể liên quan đến việc nâng cấp hệ thống phòng không và năng lực giám sát biên giới, đặc biệt thông qua các ra-đa Nga và Trung Quốc được tích hợp vào hệ thống chỉ huy – kiểm soát không gian của Venezuela [28].

Giai đoạn 2022-2024 cũng chứng kiến sự gia tăng các cuộc tiếp xúc quân sự cấp cao và hoạt động hiện diện mang tính biểu tượng. Trong năm 2024, chỉ vài tuần trước cuộc bầu cử tổng thống Venezuela, một tàu khu trục và một tàu chở dầu của Nga đã cập cảng La Guaira trong bốn ngày, trùng với lễ kỷ niệm Quốc khánh và cuộc duyệt binh thường niên của FANB. Bộ trưởng Quốc phòng Venezuela tuyên bố rằng các hoạt động này góp phần củng cố hợp tác kỹ thuật-quân sự và hướng tới “xây dựng một thế giới đa cực”. Một số báo cáo cũng đề cập khả năng có sự hiện diện của lực lượng bán quân sự Nga (như Wagner) tại Venezuela trong bối cảnh bất ổn chính trị hậu bầu cử, dù thông tin này vẫn cần được kiểm chứng độc lập [29]. Ngoài ra, sự xuất hiện của một chuyến bay quân sự Nga (RFF7498) tại sân bay quốc tế Simón Bolívar vào đầu năm 2025, gần như đồng thời với chuyến bay SAM968 của Hoa Kỳ, cho thấy mức độ nhạy cảm và tính toán chiến lược của các lực lượng tham gia tại Venezuela trong giai đoạn chính trị chuyển tiếp [30].

Dữ liệu công khai cho thấy ngành quốc phòng là lĩnh vực kinh tế quan trọng thứ hai trong quan hệ song phương, xét đến các khoản tín dụng Nga dành cho Venezuela (khoảng 7,2 tỷ USD) và tổng giá trị nhập khẩu vũ khí của Venezuela từ 2005 đến 2020 (ít nhất 9,93 tỷ USD) [31]. Dù vậy, cũng xuất hiện xu hướng điều chỉnh: từ năm 2022, theo Control Ciudadano, Nga đã đình chỉ chuyển giao vũ khí cho khu vực Mỹ Latinh, bao gồm Venezuela, một phần do yêu cầu ưu tiên tài nguyên quân sự cho xung đột tại Ukraine. Các thỏa thuận gần đây tập trung nhiều hơn vào nâng cấp cơ chế hợp tác kỹ thuật-quân sự, chia sẻ thông tin tình báo và phát triển năng lực an ninh nội địa, thay vì cung cấp khí tài mới. Năm 2024, hai nước cũng thông báo mở rộng hợp tác hạt nhân vì mục đích hòa bình, với sự tham gia của Rosatom, cho thấy sự dịch chuyển sang các lĩnh vực công nghệ kép có tính chiến lược.

Hợp tác an ninh-quốc phòng Nga-Venezuela mang đặc trưng của một mô hình liên kết bất đối xứng, trong đó Nga nắm vị thế vượt trội về công nghệ quân sự, năng lực triển khai và nguồn lực tín dụng. Tuy nhiên, mối quan hệ này vẫn thể hiện tính hai chiều: Moscow sử dụng Caracas làm điểm tựa cân bằng ảnh hưởng tại Tây Bán cầu, trong khi Venezuela sử dụng Nga như nguồn bảo đảm an ninh chế độ, giảm thiểu rủi ro bị cô lập quốc tế, đây là ví dụ nổi bật của mô hình “hợp tác Nam-Đông” mới, nơi một cường quốc ngoài khu vực sử dụng ngoại giao quân sự để củng cố vị thế trong một cấu trúc đa cực

đang định hình. Dù vậy, mức độ bền vững của hợp tác này vẫn chịu ảnh hưởng mạnh từ các biến số như năng lực tài chính của Venezuela, ưu tiên chiến lược của Nga trong bối cảnh chiến tranh kéo dài tại châu Âu và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các cường quốc tại Mỹ Latinh.

Như vậy, trong hơn một thập niên qua, hợp tác an ninh-quốc phòng Nga-Venezuela đã chuyển từ hình thức hỗ trợ kỹ thuật-trang bị sang mô hình đối tác chiến lược toàn diện, bao gồm khí tài, huấn luyện, hải-không quân, an ninh mạng, tình báo và hỗ trợ chính trị. Đây là một trong những cấu trúc hợp tác quân sự song phương sâu sắc nhất của Nga tại Tây Bán cầu, có ảnh hưởng đáng kể tới cán cân quyền lực khu vực và góp phần phản ánh cách thức Moscow vận dụng ngoại giao quân sự như công cụ đối phó bao vây chiến lược trong hệ thống quốc tế đương đại.

2.5. Hợp tác văn hóa-giáo dục

Một trong những dấu mốc văn hóa quan trọng nhất của giai đoạn này là chuỗi hoạt động kỷ niệm 80 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, do Thư viện Văn học Nước ngoài Moscow phối hợp với Đại sứ quán Venezuela tại Nga tổ chức. Triển lãm trưng bày nhiều tư liệu quý hiếm, bao gồm hình ảnh các chuyến thăm lịch sử của cố Tổng thống Hugo Chávez, hiện vật văn hóa dân gian và nhiều tài liệu phản ánh tiến trình giao lưu văn hóa từ thế kỷ XX đến nay [32]. Sự kiện này biểu hiện rõ chiến lược “ngoại giao cảm xúc” mà Nga triển khai nhằm tạo dựng kết nối biểu tượng và ký ức chung với các quốc gia Mỹ Latinh; đồng thời nhấn mạnh nỗ lực duy trì sự hiện diện văn hóa trong một khu vực vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc của các mô thức văn hóa Anglo-Saxon.

Không gian giao lưu nhân dân giữa hai nước được mở rộng đáng kể nhờ việc khôi phục các chuyến bay trực tiếp Moscow-Caracas, do hãng Conviasa vận hành sau giai đoạn gián đoạn bởi đại dịch và các lệnh trừng phạt. Theo Bộ trưởng Du lịch Venezuela, việc tái thiết lập kết nối hàng không góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch Nga và thúc đẩy hợp tác du lịch hai chiều trên nền tảng “tôn trọng và hòa bình” [26]. Sự tích hợp hệ thống thanh toán Mir của Nga vào thị trường Venezuela đã mở rộng đáng kể khả năng chi trả của du khách Nga trong bối cảnh Caracas bị loại khỏi hệ thống SWIFT, qua đó cho thấy sự giao thoa ngày càng rõ nét giữa hợp tác du lịch-văn hóa và chiến lược tài chính-công nghệ mang tính địa chính trị. Những động thái này thể hiện xu hướng kết nối kinh tế-văn hóa kiểu mới, trong đó các hạ tầng thanh toán và công nghệ tài chính trở thành trụ cột của ngoại giao nhân dân.

Trên phương diện giáo dục, Nga tiếp tục là một trong những đối tác đào tạo nguồn nhân lực có ảnh hưởng đối với Venezuela. Theo số liệu của Cơ quan Liên bang Nga về Hợp tác Quốc tế, số lượng sinh viên Venezuela nhận học bổng nhà nước Nga tăng dần qua các năm, từ 20 suất năm 2013 lên 61 suất năm 2018 [11]. Các chương trình học bổng chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực kỹ thuật, năng lượng, y học, dầu khí và khoa học xã hội, phản ánh sự tương thích giữa nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Venezuela và lợi thế đào tạo của Nga. Bên cạnh các chương trình dài hạn, những khóa đào tạo ngắn

hạn tại Học viện Ngoại giao Nga dành cho cán bộ Bộ Ngoại giao Venezuela cũng được duy trì thường xuyên [27], qua đó giúp Caracas nâng cao năng lực tham gia ngoại giao đa phương trong bối cảnh trật tự quốc tế có nhiều biến động.

Cùng với học bổng, các thiết chế văn hóa-giáo dục Nga tại Venezuela đóng vai trò ngày càng nổi bật. Trung tâm Giáo dục Mở về Ngôn ngữ và Văn hóa Nga tại Viện Francisco de Miranda, Đại học Bolivar, không chỉ giảng dạy tiếng Nga mà còn tổ chức các hoạt động học thuật, hội thảo song phương và giao lưu văn hóa nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai xã hội. Sự hiện diện của trung tâm này phản ánh rõ cách Nga sử dụng ngoại giao văn hóa như một công cụ tạo dựng tầng lớp tri thức trẻ thiện cảm với Moscow, từ đó củng cố nền tảng xã hội-nhận thức của quan hệ song phương dài hạn.

Về mặt phổ biến văn hóa đại chúng, nhiều hoạt động nghệ thuật Nga tại Venezuela đã trở thành biểu tượng của sự giao thoa văn hóa hai nước. Từ Tuần lễ Điện ảnh Mosfilm năm 2014, đến các buổi biểu diễn của Dân hợp xướng và Múa Quân đội A.V. Aleksandrov, hay việc khánh thành tượng bán thân Yuri Gagarin tại Cung thiên văn Humboldt, các sự kiện này góp phần gia tăng sự hiện diện của di sản văn hóa Nga trong đời sống công chúng Venezuela. Tuần lễ Phim Yêu nước Nga năm 2015 thu hút đông đảo khán giả trên toàn quốc, tạo dựng sự liên hệ giữa ký ức lịch sử Nga với diễn ngôn chống đế quốc của phong trào Bolivar. Các hoạt động kỷ niệm 70 năm Chiến thắng trong Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại, do Đại sứ quán Nga phối hợp Quốc hội Venezuela tổ chức, đã tạo hiệu ứng xã hội đáng kể, qua đó khắc sâu vai trò biểu tượng của lịch sử Nga trong ngôn ngữ chính trị của Caracas.

Bên cạnh đó, hợp tác văn hóa còn thể hiện qua những công trình tưởng niệm mang tính biểu tượng. Tượng đài Hugo Chávez tại Sabaneta, được nhà điêu khắc Nga Sergey Kazantsev thực hiện theo đặt hàng của Rosneft và khánh thành ngày 7/10/2016, là minh chứng điển hình cho sự đan xen giữa nghệ thuật, kinh tế và chính trị trong ngoại giao văn hóa song phương [6]. Các buổi hòa nhạc của Dân hợp xướng Tu viện Sretensky tại Caracas vào các năm 2014 và 2016 tiếp tục củng cố chiều sâu tinh thần và tạo dựng kênh kết nối cộng đồng giữa hai dân tộc.

Trong lĩnh vực học thuật, từ năm 2016 trở đi, nhiều trường đại học hàng đầu của Nga, như Đại học Hữu nghị Các dân tộc (RUDN), Đại học Lomonosov Moscow (MSU) và Học viện Dầu khí Gubkin, đã ký các thỏa thuận hợp tác với các cơ sở giáo dục chủ chốt của Venezuela. Nội dung hợp tác trải rộng từ năng lượng, kỹ thuật, công nghệ sinh học đến các dự án nghiên cứu chung, trao đổi giảng viên và hội nghị sinh viên khoa học. Các thỏa thuận này thể hiện nỗ lực xây dựng một mạng lưới tri thức chung nhằm tăng cường năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo của Venezuela trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

Đáng chú ý, lĩnh vực du lịch từ năm 2021 chứng kiến sự phát triển vượt bậc, với vai trò như một nhánh mở rộng của hợp tác văn hóa-nhân văn. Các thỏa thuận du lịch song phương vốn được đặt nền tảng từ đầu những năm 2000 được tái kích hoạt mạnh mẽ

khi Venetur và Rutravel tiến hành đàm phán gói du lịch năm 2021. Dù các tuyến bay bị gián đoạn tạm thời sau xung đột Ukraine, giao thức hàng không được ký năm 2022 cùng việc nói lỏng hạn chế đi lại đã thúc đẩy lượng khách Nga đến Venezuela, từ 7.000 lượt năm 2021 lên hơn 33.000 năm 2023 [33]. Các điểm đến như đảo Margarita, Công viên Quốc gia Canaima và Caracas trở thành trung tâm thu hút khách du lịch Nga. Song song đó, Conviasa cùng các đối tác Nga triển khai chương trình đào tạo về hệ thống phần mềm “Leonardo PSS”, với mục tiêu tăng cường an ninh dữ liệu và bảo đảm khả năng vận hành độc lập trước các rủi ro từ hệ thống phương Tây [34]. Tuy nhiên, một số chuyên gia cho rằng việc phụ thuộc vào giải pháp này có thể đặt ra rủi ro tiềm ẩn về quản trị dữ liệu cá nhân. Đến năm 2024, sau khi tăng cường hợp tác với Pegas Touristik, Hover Tours, Liên minh Công nghiệp Du lịch Nga và Nordwind Airlines, lượng khách du lịch Nga đến Venezuela tăng lên 47.427 lượt [35, 36], cho thấy vai trò ngày càng rõ của du lịch như cầu nối văn hóa-xã hội giữa hai quốc gia.

Nhìn tổng thể, hợp tác văn hóa-giáo dục Nga-Venezuela trong giai đoạn 2013 đến nay đã vượt ra khỏi phạm vi giao lưu biểu tượng hay các hoạt động mang tính nghi lễ, để hình thành một cấu trúc hợp tác mang tính hệ thống, liên ngành và bền vững hơn. Thông qua cơ chế học bổng, trung tâm ngôn ngữ, các hoạt động trao đổi học thuật, nghệ thuật và di sản, Nga đã duy trì được sự hiện diện văn hóa sâu rộng tại Venezuela. Đối với Caracas, hợp tác này không chỉ giúp nâng cao năng lực tri thức và mở rộng tiếp cận văn hóa quốc tế, mà còn hỗ trợ xây dựng bản sắc đối ngoại độc lập trong bối cảnh cạnh tranh hệ tư tưởng toàn cầu. Có thể nhận định rằng văn hóa và giáo dục đã trở thành một kênh ngoại giao chiến lược giúp hai nước củng cố sự gắn kết, giảm thiểu tác động của các biến động địa chính trị và duy trì ổn định trong quan hệ song phương.

2.6. Thách thức và triển vọng quan hệ Nga-Venezuela định hướng tới năm 2030

Triển vọng quan hệ Nga-Venezuela đến năm 2030 đặt trong bối cảnh đan xen giữa lợi ích chiến lược lâu dài của Moscow, sự mong manh của cấu trúc chính trị tại Caracas và môi trường địa-kinh tế biến động mạnh ở Mỹ Latinh. Dù hai nước tiếp tục thể hiện sự gắn kết dựa trên những lợi thế bổ sung lẫn nhau, đặc biệt trong năng lượng, quốc phòng và cung ứng hàng hóa chiến lược, nhưng xu hướng phát triển quan hệ song phương lại chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các ràng buộc chính trị nội tại, sức ép của các lệnh trừng phạt quốc tế, cũng như giới hạn về khả năng can dự của Nga trong một khu vực xa trung tâm chiến lược của mình.

Một trong những động lực duy trì sự gắn kết giữa hai nước chính là các cơ hội kinh doanh ngoài lĩnh vực năng lượng, vốn đem lại lợi ích đáng kể cho những doanh nghiệp Nga có quan hệ mật thiết với giới hoạch định chính sách của Moscow. Mỗi quan hệ này được củng cố bởi sự tham gia của các tập đoàn thuộc tổ hợp công nghiệp-quân sự Nga, khi Venezuela vẫn là một trong những khách hàng nhập khẩu vũ khí lớn nhất của Nga tại Mỹ Latinh. Chuyến thăm Venezuela của Phó Thủ tướng Yuriy Borisov năm 2019 một nhân vật nắm trọng trách trong công nghiệp quốc phòng và hàng không vũ trụ Nga cho thấy quyết tâm của Moscow trong việc duy trì dòng lợi ích chiến lược có tính kế thừa

giữa hai bên. Những hợp đồng quốc phòng này, dù không lớn về quy mô so với các đối tác châu Á hay Trung Đông, vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện sự hiện diện và ảnh hưởng của Nga ở một khu vực gần kề Hoa Kỳ, đồng thời nuôi dưỡng mạng lưới lợi ích của các tập đoàn công nghiệp quân sự Nga.

Đồng thời, những lĩnh vực phi năng lượng khác, như cung ứng ngũ cốc hay dược phẩm, tạo điều kiện để Moskva mở rộng ảnh hưởng thông qua các chuỗi cung ứng có tính nhạy cảm chính trị cao đối với Caracas. Các lô hàng ngũ cốc do Công ty Ngũ cốc Thống nhất (UGC) xuất sang Venezuela từ mức 254.000 tấn năm 2018 đến kế hoạch 600.000 tấn năm 2019 không chỉ đóng vai trò đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa Venezuela đang khan hiếm ngoại tệ, mà còn mang ý nghĩa chính trị khi chính quyền Maduro sử dụng chúng để duy trì ổn định xã hội thông qua hệ thống phân phối trợ cấp. Sự thâm nhập này giúp Nga thay thế cả các nhà cung cấp truyền thống như Mỹ và Canada, qua đó tạo dựng lợi thế cạnh tranh tại một thị trường Mỹ Latinh mà Moscow luôn tìm cách gia tăng hiện diện.

Trong lĩnh vực dược phẩm, những doanh nghiệp như Gerofarm tìm thấy cơ hội thâm nhập thị trường Venezuela khi sự rút lui của các công ty phương Tây để lại khoảng trống lớn trong cung ứng thuốc thiết yếu. Việc Venezuela nhận lô insulin đầu tiên từ Gerofarm vào tháng 12 năm 2019 phản ánh khả năng của Nga trong việc kết hợp lợi ích thương mại với mục tiêu chiến lược rộng hơn: duy trì liên kết chính trị, đồng thời chiếm lĩnh những lĩnh vực có khả năng sinh lợi trong bối cảnh Caracas gặp khó khăn nghiêm trọng về y tế và kinh tế. Mô hình hợp tác này thể hiện cách Moscow ưu tiên những cơ hội “chi phí thấp – lợi ích cao”, đồng thời củng cố tầm ảnh hưởng thông qua các dòng hỗ trợ mang tính cứu trợ đối với xã hội Venezuela.

Tuy nhiên, những cơ hội nêu trên không che giấu được thực tế rằng tương lai chính trị của chính quyền Maduro vẫn bất định và đầy rủi ro đối với lợi ích chiến lược của Nga. Sự suy giảm kinh tế kéo dài, hệ thống quản trị yếu kém và sự bất mãn trong công chúng khiến nền tảng ủng hộ Maduro tiếp tục suy yếu. Trong bối cảnh đó, Moscow không có khả năng và cũng không có ý định biến Venezuela thành một “Cuba kiểu Xô Viết mới”, bởi chi phí duy trì một đồng minh phụ thuộc là quá lớn so với các mục tiêu chiến lược hiện nay. Nga chấp nhận hỗ trợ Maduro ở mức độ đủ để duy trì ảnh hưởng và bảo vệ các khoản đầu tư của mình, nhưng vẫn đề ngỏ khả năng thích ứng với một Venezuela “hậu Maduro” nếu tình thế buộc phải thay đổi. Việc các quan chức Nga nhiều lần đề cập khả năng chuyển giao quyền lực hòa bình phản ánh sự linh hoạt của Moscow trong bảo toàn lợi ích dài hạn, hơn là sự cam kết tuyệt đối với cá nhân Maduro.

Trong lĩnh vực năng lượng trụ cột quan trọng nhất trong quan hệ song phương Rosneft đối mặt với nhiều thách thức mang tính cấu trúc. Để duy trì vai trò là một đối tác chủ chốt của PDVSA, công ty này cần cải thiện hiệu quả sản xuất của các liên doanh, phát triển các mỏ mới và mở rộng hoạt động khai thác. Tuy nhiên, các rào cản kỹ thuật, sự xuống cấp cơ sở hạ tầng dầu khí Venezuela và yêu cầu đầu tư bổ sung lớn đặt ra gánh nặng đáng kể lên Rosneft trong bối cảnh Nga đang phải phân bổ nguồn lực cho nhiều ưu

tiên địa-chiến lược khác. Chính phủ Nga vì thế có xu hướng thận trọng trước những đề xuất đầu tư mới, đặc biệt khi các rủi ro tài chính và an ninh chính trị gia tăng [37].

Yếu tố làm tình hình trở nên phức tạp hơn là các lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ, đặc biệt sau khi Rosneft Trading SA chi nhánh thương mại của Rosneft bị Washington trừng phạt tháng 2 năm 2020 [38]. Sự kiện này khiến mọi hoạt động thương mại liên quan đến Venezuela của Rosneft trở nên tổn kém và dễ bị tổn thương hơn do tác động của các biện pháp trừng phạt thứ cấp. Điều này làm giảm đáng kể dự địa hoạt động của công ty tại Venezuela và gần như loại trừ khả năng tăng cường hỗ trợ tài chính cho PDVSA như trước đây. Thậm chí, sự thay đổi chính trị tại Venezuela trong tương lai có thể đe dọa trực tiếp tính hợp pháp của những thỏa thuận mà Rosneft ký kể từ năm 2014, vốn không được Quốc hội đối lập công nhận. Một chính quyền mới có thể xem chúng là vô hiệu, gây thiệt hại lớn cho tài sản chiến lược của Nga tại khu vực. Vì vậy, việc Moskva vừa duy trì hỗ trợ Maduro, vừa phát tín hiệu sẵn sàng đàm phán với phe đối lập là một nỗ lực nhằm giữ thế cân bằng, bảo đảm an toàn cho các lợi ích năng lượng trọng yếu.

Bối cảnh khu vực Mỹ Latinh cũng góp phần định hình triển vọng quan hệ song phương. Việc Nga kiên quyết ủng hộ Maduro khiến nhiều chính phủ công nhận Guaidó xem Moscow như một lực lượng cản trở nỗ lực giải quyết khủng hoảng. Điều này hạn chế khả năng Nga mở rộng ảnh hưởng trong bối cảnh nội bộ khu vực đang chia rẽ sâu sắc. Tuy nhiên, Nga vẫn tìm kiếm những điểm tựa mới từ các chính phủ được hình thành sau làn sóng bất ổn chính trị ở Mỹ Latinh, bất chấp những tổn thất trước đó như thay đổi chính quyền ở Bolivia. Trong chiến lược tổng thể, vị trí địa chiến lược của Venezuela gần Hoa Kỳ vẫn giữ vai trò trọng tâm trong toan tính của Moscow, nhất là trong bối cảnh Nga muốn khẳng định mình như một siêu cường năng lượng có khả năng hiện diện tại những khu vực nhạy cảm.

Đến năm 2030, quan hệ Nga-Venezuela nhiều khả năng tiếp tục duy trì tính thực dụng, nơi Moskva ưu tiên các giải pháp khả thi và ít tổn kém hơn là những cam kết sâu rộng. Nga sẽ tận dụng những không gian ảnh hưởng có chi phí thấp, khai thác các điểm yếu của Caracas để tiếp tục duy trì sự hiện diện chiến lược tại “sân sau” của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, những thách thức mang tính cấu trúc từ bất ổn chính trị Venezuela, sức ép trừng phạt quốc tế, chi phí duy trì các dự án năng lượng, cho đến giới hạn nội tại của chính sách đối ngoại Nga sẽ khiến quan hệ hai nước khó có thể trở thành liên minh toàn diện. Triển vọng hợp tác đến năm 2030 vì vậy vừa mở ra những cơ hội gia tăng ảnh hưởng cho Nga, vừa hàm chứa rủi ro đáng kể, đặc biệt khi tương lai chính trị của Venezuela vẫn còn nhiều bất định.

2.7. Hàm ý và ý nghĩa đối với chính sách đối ngoại Việt Nam định hướng tới năm 2030

Quan hệ Nga-Venezuela giai đoạn sau năm 2013 cho thấy một mô hình hợp tác mang tính thực dụng chiến lược, trong đó Nga tận dụng những không gian chính trị-kinh tế đặc thù tại Mỹ Latinh để mở rộng ảnh hưởng địa-chiến lược, đồng thời thu lợi từ các

lĩnh vực năng lượng, quốc phòng và cung ứng hàng hóa thiết yếu. Cách tiếp cận linh hoạt nhưng kiên định của Moscow tại Venezuela, ngay cả trong bối cảnh khủng hoảng nội bộ sâu sắc của Caracas và sức ép trừng phạt quốc tế gia tăng, đem lại những hàm ý quan trọng cho Việt Nam khi xây dựng chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa đến năm 2030. Việc Nga vẫn duy trì hiện diện tại một môi trường rủi ro cao như Venezuela gợi mở cách nhìn rộng hơn về chiến lược bảo toàn lợi ích dài hạn thông qua việc duy trì “thế bám” trong những khu vực có ý nghĩa biểu tượng địa-chiến lược, ngay cả khi nguồn lực hạn chế và chi phí can dự gia tăng.

Đối với Việt Nam, việc quan sát cách Nga quản lý quan hệ với một đối tác đang đối diện bất ổn sâu sắc cho thấy tầm quan trọng của việc đánh giá thận trọng những yếu tố có thể làm xói mòn nền tảng hợp tác song phương. Những biến động chính trị nội bộ của Venezuela, đặc biệt nguy cơ thay đổi chính quyền, đặt ra rủi ro đáng kể đối với tài sản và các cam kết đầu tư của Nga, ngay cả khi Moscow vẫn duy trì quan hệ với cả chính quyền đương nhiệm và phe đối lập nhằm bảo toàn lợi ích cơ bản. Điều này gợi mở cho Việt Nam giá trị của việc phát triển các mối quan hệ đối ngoại có độ linh hoạt cao, bảo đảm khả năng thích ứng trước thay đổi chính trị của đối tác nhưng vẫn duy trì tính nhất quán về nguyên tắc. Trong bối cảnh khu vực và toàn cầu đang biến động mạnh, việc kết hợp giữa ổn định chiến lược và khả năng “điều chỉnh mềm” trong quan hệ song phương là một năng lực quan trọng.

Ngoài ra, cách Nga tận dụng các lĩnh vực có chi phí can dự thấp nhưng lợi ích chiến lược cao tại Venezuela, như xuất khẩu ngũ cốc hay dược phẩm, gợi mở cho Việt Nam tư duy mở rộng hợp tác theo hướng gia tăng tính bổ trợ lẫn nhau trong các ngành mà Việt Nam có lợi thế nổi trội. Việc xây dựng những kênh hợp tác “đệm” như vậy không chỉ củng cố độ bền của quan hệ đối tác mà còn giảm thiểu rủi ro bị gián đoạn trong những thời kỳ nhạy cảm. Tính nhất quán trong việc kết hợp lợi ích kinh tế với lợi ích chính trị – chiến lược của Nga tại Venezuela cũng cho thấy tầm quan trọng của việc phát triển những cấu trúc hợp tác đa tầng, nơi hợp tác kinh tế, khoa học-kỹ thuật và xã hội đóng vai trò gia cố cho quan hệ chính trị cấp cao.

Cuối cùng, sự hiện diện lâu dài của Nga tại một khu vực sát cạnh Hoa Kỳ cho thấy ý nghĩa của việc một quốc gia tầm trung theo đuổi chính sách đối ngoại linh hoạt, sáng tạo và có khả năng điều chỉnh cách thức can dự phù hợp với bối cảnh địa-chiến lược cụ thể. Đối với Việt Nam, bài học rút ra là cần tiếp tục duy trì nguyên tắc độc lập-tự chủ, đồng thời mở rộng phạm vi hợp tác với nhiều trung tâm quyền lực khác nhau mà không bị cuốn vào cạnh tranh chiến lược. Định hướng tới năm 2030, Việt Nam có thể vận dụng những kinh nghiệm này để tăng cường năng lực dự báo, nâng cao tính bền vững của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với các cường quốc, và duy trì vị thế cân bằng trong môi trường quốc tế nhiều phân hóa.

3. Kết luận

Quan hệ ngoại giao giữa Liên bang Nga và Cộng hòa Bolivar Venezuela từ năm 2013 đến nay phản ánh quá trình thích ứng chiến lược của hai quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn và các biến động địa-kinh tế toàn cầu. Dù chịu tác động nặng nề từ khủng hoảng nội bộ Venezuela và các lệnh trừng phạt quốc tế, quan hệ song phương vẫn được duy trì ổn định nhờ sự hội tụ lợi ích trong lĩnh vực an ninh, năng lượng và chính trị đối ngoại.

Ở phương diện chính trị-an ninh, Nga coi Venezuela là điểm tựa chiến lược ở Tây Bán cầu, còn Caracas xem Moscow là đối tác bảo đảm năng lực phòng vệ và cân bằng ảnh hưởng Hoa Kỳ. Trong hợp tác kinh tế, Nga theo đuổi mô hình can dự chọn lọc, ưu tiên các lĩnh vực cốt lõi như dầu khí, lương thực và dược phẩm, thể hiện cách tiếp cận thực dụng nhưng bền vững trong môi trường rủi ro cao.

Nhìn tổng thể, mối quan hệ Nga-Venezuela minh chứng cho xu hướng hình thành các cấu trúc hợp tác phi phương Tây dựa trên hỗ trợ chiến lược và chống chịu áp lực bên ngoài. Từ kinh nghiệm này, Việt Nam có thể rút ra bài học trong việc đa dạng hóa đối tác, duy trì cân bằng chiến lược và tăng cường tự chủ trong chính sách đối ngoại.

Về phương diện học thuật, nghiên cứu tương lai có thể tập trung vào (1) so sánh chính sách của Nga tại Mỹ Latinh với các cường quốc khác như Trung Quốc hoặc Thổ Nhĩ Kỳ để làm rõ động lực cạnh tranh ảnh hưởng khu vực và (2) phân tích mối tương tác giữa năng lượng, an ninh và chiến lược đối ngoại trong tam giác Nga-Venezuela-Hoa Kỳ, qua đó góp phần lý giải vai trò của các quan hệ “ngoài phương Tây” trong định hình trật tự quốc tế đa cực đang nổi lên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Rouvinski, V. (2019). *Russian–Venezuelan Relations at a Crossroads*.
- [2]. Rouvinski, V. (2015). *Russian Re-Engagement with Latin America: Energy and Beyond*. Trong B. M. Bagley, D. Mouliokova & H. S. Kaab (Eds.), *The Impact of Emerging Economies on Global Energy and the Environment* (tr. 293–312).
- [3]. Rosneft. (n.d.). *Official company data*. <https://www.rosneft.ru>
- [4]. Wilson Center. (n.d.). *Russia’s continuing engagement: Venezuela 2019 and beyond-update*. <https://www.wilsoncenter.org/publication/russias-continuing-engagement-venezuela-2019-and-beyond-update>
- [5]. РИА Новости (RIA Novosti). (2024, October 23). *Лавров посетил Венесуэлу в рамках турне по странам Латинской Америки*. <https://ria.ru>
- [6]. Oglasi.ru. (2024, April 22). *Российско-венесуэльские отношения: динамика и перспективы*. <https://oglas.ru/stati/17019-rossiysko-venesuelskie-tnosheniya.html>

- [7]. Transparencia Venezuela. (2023). *PDVSA-Crypto. An Unprecedented Fraud*. <https://transparenciave.org/wp-content/uploads/2024/03/PDVSA-CRYPTO-An-unprecedented-Fraud-with-Tremendous-Economic-and-Social-Impact- OCT2023.pdf>
- [8]. Infobae. (2024, November 8). *Venezuela y Rusia consolidan una relación libre de presiones con la firma de 17 acuerdos*. <https://www.infobae.com/america/agencias/2024/11/08/venezuela-y-rusia-consolidan-una-relacion-libre-de-presiones-con-la-firma-de-17-acuerdos>
- [9]. VietnamPlus. (2025, October 22). *Thượng viện Nga phê chuẩn Thỏa thuận Đối tác Chiến lược với Venezuela*. <https://www.vietnamplus.vn>
- [10]. РИА Новости (RIA Novosti). (2025, March 14). *Россия и Венесуэла подписали новые соглашения по дипломатическому сотрудничеству*. <https://ria.ru>
- [11]. Embajada de la Federación de Rusia en la República Bolivariana de Venezuela. (n.d.). *Reseña de relaciones ruso-venezolanas*. https://venezuela.mid.ru/es/relaciones_bilaterales/rusia_venezuela/resena_de_relaciones_ruso_venezolanas/#interparlamentarias
- [12]. *Russia's Pivot to Asia*. (2025). *Россия – Венесуэла: международные отношения, обновление 2025*. <https://russiaspivottoasia.com>
- [13]. El Estímulo. (2023). *Venezuela recupera acciones de Citgo que estaban en poder de Rusia*. <https://elestimulo.com/elinteres/energia/2023-06-26/venezuela-recupera-acciones-de-citgo-que-estaban-en-poder-de-rusia>
- [14]. Vladimirov, M., Rueda, G., & Osipova, D. (2024). *Global Reach: The Kremlin Playbook in Latin America*. Center for the Study of Democracy. <https://csd.eu/publications/publication/global-reach/>
- [15]. PDVSA. (2024). *Pdvsa Rusia dicta conferencia sobre la diplomacia energética bolivariana*. <http://www.pdvsa.com>
- [16]. Petroguía. (2024). *Gobierno de Maduro solicitó extensión de dos empresas mixtas con Rusia*. <http://www.petroguia.com>
- [17]. Rogtec. (2023). *PDVSA and Gazprom Discuss Cooperation in Venezuela*. <https://www.rogtecmagazine.com>
- [18]. Ulmer, A., & Párraga, M. (2022). *Russian oil firm shuffles Venezuela assets as sanctions bite*. Reuters. <https://www.reuters.com>
- [19]. Ulmer, A., & Párraga, M. (2023). *Russian firm asks Venezuela match Chevron oil for debt*. Reuters. <https://www.reuters.com>
- [20]. Monaldi, F. (2024). *Analítica Interview - Economic consequences if political change does not occur in Venezuela*. Analítica.

- [21]. Telesur. (2024). *Rusia y Venezuela firman acuerdo para contrarrestar efectos de las sanciones*. <https://www.telesurtv.net>
- [22]. U.S. Department of Justice. (n.d.). *Case information: Orekhov et al.*
- [23]. Goodman, J. (2022). *X account of Joshua Goodman*. <https://x.com/APjoshgoodman/status/1582874970652229633>
- [24]. Agencia EFE. (2025, October 21). *La Duma de Rusia aprueba el acuerdo de asociación estratégica con Venezuela*. <https://efe.com/mundo/2025-10-21/duma-rusia-acuerdo-asociacion-estrategica-venezuela/>
- [25]. CNN en Español. (2025, May 7). *Rusia y Venezuela: aislamiento, armas y antioccidentalismo*. <https://cnnespanol.cnn.com/2025/05/07/mundo/rusia-venezuela-aislamiento-armas-antioccidentalismo-orix>
- [26]. Bloomberg Línea. (2022, March 23). *Rusia y Venezuela: una estrecha relación de armamento y cultura*. <https://www.bloomberglinea.com>
- [27]. Control Ciudadano. (2023). *La información clave sobre la visita del secretario del Consejo de Seguridad de la Federación de Rusia, Nikolái Pátrushev a Venezuela*. <https://www.controlciudadano.org/noticias/la-informacion-clave-sobre-la-visita-del-secretario-del-consejo-de-seguridad-de-la-federacion-de-rusia-nikolai-patrushev-a-venezuela/>
- [28]. Barráez, S. (2022). *Un general de la Aviación reveló dónde están los rusos en Venezuela, qué hacen y con qué equipos*. <https://www.infobae.com/america/venezuela/2022/02/20/un-general-de-la-aviacion-revelo-donde-estan-los-rusos-en-venezuela-que-hacen-y-con-que-equipos/>
- [29]. Castellanos, J. (2024). *Zelenski habla de supuesta presencia de mercenarios rusos de Wagner en Venezuela*. <https://www.elespectador.com/mundo/elecciones-venezuela-2024/zelenski-habla-de-supuesta-presencia-de-mercenarios-rusos-de-wagner-en-venezuela/>
- [30]. X account. (n.d.). <https://x.com/Arr3ch0>
- [31]. Control Ciudadano. (2023). *FANB. Adquisición de Armas*. <https://www.controlciudadano.org/web/wp-content/uploads/FANB-Adquisicio%CC%81n-Armas.pdf>
- [32]. Библиотека иностранной литературы (Inostranka). (2023, October). *Выставка «Россия-Венесуэла: 80 лет дипломатических отношений»*. <https://libfl.ru/ru/news/vystavka-rossiya-venesuela-80-let-diplomaticheskikh-otnosheniy>
- [33]. VTV. (2023). *Venezuela recibe más de 33 mil turistas rusos en 2023*. <https://www.vtv.gob.ve>

- [34]. Aviacionline. (2023). *Aerolínea venezolana recibe asistencia rusa para implementar sistema de venta de pasajes*. <https://www.aviacionline.com/2023/10/aerolinea-venezolana-recibe-asistencia-rusa-para-implementar-sistema-de-venta-de-pasajes/>
- [35]. Ministry of Tourism of Venezuela. (2024). <https://www.mintur.gob.ve>
- [36]. Banca y Negocios. (2024). *En tres años 47 mil turistas rusos ingresaron a Venezuela a través de la operación charter Moscú–Porlamar*. <https://www.bancaynegocios.com/en-tres-anos-47-mil-turistas-rusos-ingresaron-a-venezuela-a-traves-de-operacion-charter-moscu-porlamar/>
- [37]. Hess, M. (2019). *Is the Kremlin Tired of Venezuela? Moscow's help will continue with limitations, while Rosneft be Venezuela's biggest ally*. *The Moscow Times*.
- [38]. Talley, I. (2020, February 18). *U.S. Sanctions Subsidiary of Russia's Rosneft Over Alleged Venezuela Oil Exports*. *The Wall Street Journal*. <https://www.wsj.com>

**DIPLOMATIC RELATIONS BETWEEN THE RUSSIAN FEDERATION AND
THE BOLIVARIAN REPUBLIC OF VENEZUELA FROM 2013 TO THE
PRESENT**

Nguyen Doan Dien¹

ABSTRACT

This article systematically and multilayeredly analyzes the dynamics, structure, and strategic implications of the diplomatic relationship between the Russian Federation and the Bolivarian Republic of Venezuela from 2013 to the present, within the context of an international system undergoing significant fragmentation and heightened power competition. It also elucidates how Russia leverages political support, defense cooperation, and energy investments to expand its sphere of influence in Latin America, while explaining how Venezuela utilizes its partnership with Moscow to enhance resilience against sanctions and declining international connectivity. The study finds that the Russia–Venezuela relationship is both strategically complementary and marked by asymmetrical dependence, raising broader questions regarding the sustainability of partnerships driven by power-balancing needs in a global competitive environment. This article further highlights implications for Vietnam's foreign policy in the context of reshaping the international security-economic structure and suggests directions for future research on the role of extraregional powers in Latin America and the reconstruction of the global order in the coming decade.

Keywords: *Russia-Venezuela, bilateral relations, strategic partnership, South-South diplomacy.*



¹Trường Sư phạm Huế, Đại học Huế; Gmail: nguyendoandiendhsphue@gmail.com.